

Số: 3819 /QĐ-UBND

Quận 10, ngày 23 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Quận 10 Khóa X tại kỳ họp thứ Mười Bốn nhiệm kỳ 2016 – 2021 về tình hình ước thực hiện thu chi ngân sách năm 2019 và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 10 tại Tờ trình số 509/TTr-TCKH ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc công bố công khai số liệu thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2020 của Quận 10 (các biểu đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 10, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Quận 10 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND T/p, Sở Tài chính T/p;
- TTQU, TT.UBND Q10 (CT, PCT);
- VP. HĐND và UBND Q10;
- Lưu: VT, Thủy.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Anh Khoa



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2020

(Đính kèm theo Quyết định số 3319 /QĐ-UBND ngày 23 / 7 /2020 của UBND Q10)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.222.000	952.729	42,88%	74,00%
<i>I</i>	<i>Thu cân đối NSNN</i>	2.222.000	952.729	42,88%	74,00%
1	Thu nội địa	2.222.000	952.729	42,88%	74,00%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
3	Thu viện trợ				
<i>II</i>	<i>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</i>				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	878.075	341.602	38,90%	96,65%
<i>I</i>	<i>Tổng chi cân đối ngân sách quận</i>	878.075	341.602	38,90%	96,65%
1	Chi đầu tư phát triển	17.340	10.012	57,74%	41,08%
2	Chi thường xuyên	843.919	328.590	38,94%	4,06%
3	Dự phòng ngân sách	16.816	3.000	17,84%	50,00%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
5	Chi BSNS cấp dưới	165.953	75.122	45,27%	14,43%
<i>II</i>	<i>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</i>				



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2020

Đính kèm theo Quyết định số 3819/QĐ-UBND ngày 23 / 7 /2020 của UBND Q10)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.222.000	952.729	42,88%	73,60%
I	Thu nội địa	2.222.000	952.729	42,88%	73,60%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	20.000	8.428	42,14%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	60.000	31.898	53,16%	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.105.000	459.507	41,58%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	425.000	210.067	49,43%	95,18%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	221.000	77.403	35,02%	70,71%
7	Thu phí, lệ phí	54.200	15.817	29,18%	93,80%
8	Lệ phí môn bài	20.800	18.159		
9	Các khoản thu về nhà, đất	231.000	100.770	43,62%	22,44%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	10.000	3.063	30,63%	77,09%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	31.000	4.708	15,19%	45,56%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	190.000	92.999	48,95%	36,77%
-	<i>Thuế đất</i>				
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
11	Thu hồi vốn đầu tư				
12	Thu khác ngân sách	85.000	30.679	36,09%	6,26%
13	Thu hưởng thêm từ DN TW và TP				

Handwritten signature

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	277.863	131.875	47,46%	78,00%
1	Từ các khoản thu phân chia	200.460	82.377	41,09%	66,50%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	77.403	49.498	63,95%	81,22%

Handwritten signature



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2020

(Đính kèm theo Quyết định số 3819 /QĐ-UBND ngày 23/ 7 /2020 của UBND Q10)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	878.075	341.602	38,90%	96,65%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	878.075	341.602	38,90%	96,65%
I	Chi đầu tư phát triển	17.340	10.012	57,74%	41,08%
1	Chi đầu tư cho các dự án	17.340	10.012	57,74%	41,08%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	861.259	328.590	38,15%	4,06%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	355.459	114.981	32,35%	87,31%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	68.841	16.485	23,95%	94,93%
4	Chi văn hóa thông tin	3.282	458	13,96%	69,72%
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao	1.843	40	2,18%	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
7	Chi bảo vệ môi trường				
8	Chi hoạt động kinh tế	86.631	26.998	31,16%	7,23%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	206.021	74.959	36,38%	98,37%
10	Chi bảo đảm xã hội	78.694	71.203	90,48%	39,18%
11	Chi ANQP và TTAT xã hội	52.120	21.256	40,78%	94,75%
12	Chi CD, CS mới phát sinh				
13	Chi khác NS	8.368	2.210	26,42%	95,18%
III	Dự phòng ngân sách	16.816	3.000	17,84%	50,00%
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
V	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã	165.953	75.122	45,27%	14,43%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				